

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 32 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu
quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật”;*

*Căn cứ Quyết định số 1666/QĐ-BTP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư
pháp ban hành Tiêu chí chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo
dục pháp luật;*

*Căn cứ Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chủ
tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá
hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Kế hoạch số 333/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chủ
tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1666/QĐ-
BTP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí
chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa
bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục
pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 201/TTr-STP ngày
19 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí riêng đánh giá thí
điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng
Nai, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:**

1. Mục tiêu, yêu cầu, nguyên tắc và phạm vi, thời gian áp dụng Tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL)

a) Mục tiêu

- Tăng cường hiệu quả công tác PBGDPL, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xác định phương pháp, cách thức đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL bảo đảm khoa học, khả thi, linh hoạt, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của từng hoạt động PBGDPL, bảo đảm khả năng lượng hóa trên cơ sở so sánh kết quả dự kiến với kết quả thực tế đạt được trong từng hoạt động PBGDPL.

b) Yêu cầu, nguyên tắc

- Các tiêu chí trong Tiêu chí riêng đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL (sau đây gọi là Tiêu chí riêng) phải bám sát các yêu cầu tại điểm IV.2a Điều 1 Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 12/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây gọi là Quyết định số 979/QĐ-TTg) và điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1666/QĐ-BTP ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tư pháp ban hành Tiêu chí chung đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (sau đây gọi là Quyết định số 1666/QĐ-BTP).

- Việc xây dựng các tiêu chí phải bảo đảm tính khả thi, khắc phục các vướng mắc, bất cập trong Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL quy định trong Thông tư số 03/2018/TT-BTP ngày 10/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Các tiêu chí trong Tiêu chí riêng xác định các nhiệm vụ cơ bản, cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả trong quá trình thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước, tổ chức hoạt động PBGDPL cụ thể (yếu tố đầu vào của hoạt động PBGDPL) của các Sở, địa phương thí điểm theo quy định của Luật PBGDPL và đặc điểm của từng cấp quản lý nhà nước.

- Lượng hóa chất lượng đầu ra của công tác quản lý nhà nước về PBGDPL và từng hoạt động PBGDPL cụ thể do các sở, địa phương thí điểm chủ trì tổ chức.

c) Phạm vi thí điểm áp dụng

Tiêu chí riêng được áp dụng để đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL thông qua 02 nội dung: (i) Chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về công tác PBGDPL và (ii) Kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL cụ thể.

d) Thời gian thí điểm

Thời gian thí điểm theo thời gian thực hiện Đề án “Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” được phê duyệt theo Quyết định số 979/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, địa phương thực hiện thí điểm, bao gồm: Các sở: Lao động, Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; các huyện: Thống Nhất, Cẩm Mỹ.

3. Kết cấu và điểm số của Tiêu chí riêng

Tiêu chí riêng bao gồm các nhóm tiêu chí sau đây:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động quản lý nhà nước về PBGDPL (Tổng điểm là 45 điểm). Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở lượng hóa mức độ hoàn thành trách nhiệm quản lý nhà nước của các sở và địa phương, cụ thể:

(i) Mức độ hoàn thành trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

(ii) Mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL/cơ quan, đơn vị trong công tác PBGDPL.

(iii) Mức độ bảo đảm nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt.

(iv) Mức độ bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt.

(v) Mức độ thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL.

(vi) Mức độ đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác PBGDPL.

(vii) Mức độ hoàn thành trách nhiệm về xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL.

b) Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của các hoạt động PBGDPL cụ thể (Tổng điểm là 55 điểm). Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở lượng hóa mức độ đánh giá của đối tượng thụ hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động PBGDPL cụ thể do các sở, địa phương thí điểm tổ chức; mức độ tác động của các hoạt động PBGDPL cụ thể tới nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của các đối tượng thụ hưởng đối với nội dung pháp luật được PBGDPL.

Điều 2. Hướng dẫn sử dụng Tiêu chí riêng để đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL tại các sở và địa phương thí điểm

1. Quy trình thực hiện đánh giá thí điểm của các sở, địa phương thí điểm

Việc thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL được thực hiện theo quy trình như sau:

Bước 1: Các sở, địa phương chủ trì việc đánh giá ban hành kế hoạch đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL thuộc lĩnh vực quản lý **trước ngày 15/01 hằng năm**, cụ thể:

- *Sở Tài nguyên và Môi trường:* Đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến Luật đất đai năm 2024 (cụ thể là tuyên truyền Nghị

định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

- *Sở Lao động – Thương binh và Xã hội*: Đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến phòng, chống ma túy tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy.

- *Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất*: Đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục quy định pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Xuân Thiện.

- *Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ*: Đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục quy định pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình thông qua câu lạc bộ “phụ nữ với pháp luật” trên địa bàn xã Xuân Tây.

Bước 2: Thành lập Tổ đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL để tham mưu việc đánh giá (sau đây gọi là Tổ đánh giá)

Các sở, địa phương chủ trì việc đánh giá thành lập Tổ đánh giá để tham mưu việc đánh giá. Tổ đánh giá bao gồm đại diện các đơn vị, chuyên gia, người có liên quan tới hoạt động PBGDPL được đánh giá; hoạt động theo cơ chế vụ việc và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Trong giai đoạn đánh giá thí điểm, cán bộ pháp chế các sở thí điểm đánh giá cử đại diện tham gia hướng dẫn và hỗ trợ triển khai các hoạt động đánh giá.

Bước 3. Tổ đánh giá tổ chức điều tra, khảo sát, lấy ý kiến đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (*Thực hiện điều tra, khảo sát đầu vào trước khi tổ chức hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và điều tra, khảo sát hoạt động đầu ra sau khi thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật*).

Bước 4. Tổ đánh giá tổ chức đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo Phụ lục Tiêu chí riêng ban hành kèm theo quyết định này.

Bước 5. Báo cáo kết quả đánh giá

- Tổ đánh giá có trách nhiệm xây dựng báo cáo đánh giá thí điểm hiệu quả hoạt động PBGDPL (báo cáo đánh giá thí điểm); đồng thời, tổng hợp các tài liệu kiểm chứng đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu và mức điểm cụ thể. Báo cáo đánh giá thí điểm của Tổ đánh giá sẽ được gửi cho đơn vị, địa phương chủ trì thực hiện nhiệm vụ đánh giá để xem xét, quyết định và gửi cơ quan sau đây:

- Báo cáo đánh giá thí điểm do đơn vị cấp xã, cấp huyện chủ trì đánh giá được gửi Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp huyện (qua Phòng Tư pháp) tổng hợp để gửi Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh (qua Sở Tư pháp) **trước ngày 10/10 hàng năm**.

- Báo cáo đánh giá thí điểm do các sở chủ trì đánh giá được gửi Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh (qua Sở Tư pháp) **trước ngày 10/10 hàng năm**.

Trên cơ sở báo cáo kết quả của Tổ đánh giá và ý kiến của cán bộ pháp chế các sở thí điểm đánh giá, Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh tổng hợp xây dựng báo cáo chung gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

2. Thời điểm đánh giá

Thời điểm bắt đầu và kết thúc việc đánh giá thực hiện theo khoản 3 Mục II Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Tài liệu kiểm chứng và phương pháp đánh giá

a) Tài liệu kiểm chứng đối với các tiêu chí, chỉ tiêu trong Tiêu chí riêng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Ngoài ra các sở, địa phương có thể lấy từ các báo cáo thống kê, các báo cáo, thông tin chính thức có đề cập hoặc liên quan tới nội dung hoạt động PBGDPL để chứng minh cho hiệu quả hoạt động như: Báo cáo về tình hình vi phạm pháp luật, tình hình khiếu nại, tố cáo; Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số cải cách hành chính (PAR index) và các chỉ số khác có liên quan...

b) Việc tổ chức đánh giá qua phương pháp khảo sát, điều tra xã hội học sẽ được linh hoạt thực hiện trước và ngay sau hoạt động PBGDPL hoặc sau một thời gian nhất định tùy thuộc vào tính chất, quy mô của hoạt động PBGDPL được chọn đánh giá.

4. Về sử dụng kết quả đánh giá của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương thí điểm

Kết quả đánh giá của các sở, địa phương thí điểm là cơ sở để Thủ trưởng cơ quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Hội đồng phối hợp PBGDPL cùng cấp kịp thời chỉ đạo, đề ra giải pháp khắc phục những bất cập trong hoạt động quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp

a) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh.

b) Làm đầu mối tiếp nhận, phối hợp Bộ Tư pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của sở, địa phương thí điểm trong quá trình triển khai thực hiện.

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo Bộ Tư pháp kết quả thực hiện thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

d) Tham mưu tổ chức tổng kết việc thực hiện đánh giá thí điểm hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và đề xuất định hướng hoàn thiện thể chế, giải pháp phù hợp đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên

địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, địa phương thí điểm

a) Bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ đánh giá thí điểm hiệu quả công tác PBGDPL theo Quyết định này.

b) Kịp thời thông tin những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện đánh giá thí điểm về Sở Tư pháp; gửi báo cáo kết quả đánh giá về Sở Tư pháp theo đúng thời hạn quy định trong Quyết định này.

c) Sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL để chỉ đạo, thực hiện các giải pháp cải thiện chất lượng quản lý nhà nước và tổ chức triển khai hoạt động PBGDPL cụ thể đi vào thực chất, phù hợp với nhu cầu và đòi hỏi của người dân, doanh nghiệp.

d) Tổ chức thông tin, truyền thông việc triển khai và kết quả đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL do các sở, địa phương thí điểm tổ chức thực hiện.

3. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung được giao tại Kế hoạch và quy định của Luật Ngân sách nhà nước xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, phù hợp với khả năng năng đổi của ngân sách địa phương.

c) Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Lao động – Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất, huyện Cẩm Mỹ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Phổ biến giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Hội đồng phối hợp PBGDPL huyện Thống Nhất, huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu: VT, THNC.



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THÍ ĐIỂM HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Quyết định số 32 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung chi tiết, cơ cấu điểm	Điểm	Tài liệu kiểm chứng
I	Nhóm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành trách nhiệm quản lý nhà nước về PBGDPL	45	Kế hoạch công tác PBGDPL của cơ quan, đơn vị, địa phương
1.1	Mức độ hoàn thành trách nhiệm xây dựng Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý	10	
1.1.1	Cần cú xây dựng Kế hoạch đáp ứng các yêu cầu sau	2	
a)	Phù hợp với Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, tỉnh	1	
-	Phù hợp	1	
-	Không phù hợp	0	
b)	Có sự nghiên cứu, nắm bắt về nhu cầu thông tin pháp luật trên địa bàn quản lý làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch	1	
-	Có sự nghiên cứu, nắm bắt	1	
-	Chưa có sự nghiên cứu, nắm bắt	0	
1.1.2	Nội dung Kế hoạch phải có đầy đủ những nội dung cơ bản sau	8	
a)	Xác định đối tượng cần được ưu tiên thụ hưởng các hoạt động PBGDPL trên địa bàn quản lý trong năm công tác	1	
-	Có xác định	1	
-	Không xác định	0	
b)	Xác định những văn bản pháp luật và nội dung pháp luật trọng tâm trên địa bàn cần thực hiện PBGDPL trong năm công tác	1	
-	Có xác định	1	
-	Không xác định	0	
c)	Xác định cách thức và hình thức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể đối với từng nội dung cần PBGDPL trong năm công tác	2	

-	Có xác định		2	
-	Không xác định		0	
d)	Xác định nguồn nhân lực tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cụ thể.		1	
-	Có xác định		1	
-	Không xác định		0	
đ)	Xác định kinh phí bảo đảm tổ chức thực hiện đối với từng hoạt động PBGDPL cụ thể.		1	
-	Có xác định		1	
-	Không xác định		0	
e)	- Xác định kết quả dự kiến đạt được đối với các hoạt động PBGDPL cụ thể. Ví dụ: Số lượng người thụ hưởng, tác động của hoạt động đối với ý thức chấp hành pháp luật của đối tượng thụ hưởng hoặc các tác động khác tới công tác thi hành pháp luật, tình hình vi phạm pháp luật trên địa bàn tổ chức hoạt động...		2	
-	Có xác định		2	
-	Không xác định		0	
1.2	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL/cơ quan, đơn vị trong công tác PBGDPL		8	
1.2.1	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL/cơ quan, đơn vị hàng năm và các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương		5	
a)	Có hướng dẫn, đơn đốc việc thực hiện Kế hoạch		1	
-	Có hướng dẫn, đơn đốc		1	
-	Không hướng dẫn, đơn đốc		0	
b)	Có tổ chức sơ kết, tổng kết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhận diện các cách làm hay, hiệu quả trong công tác PBGDPL (như: mô hình điển hình về công tác PBGDPL; các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật: hội nghị trực tuyến, đối thoại, tọa đàm, tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tuyên truyền trên Trang/Cổng thông tin điện tử, hội nhóm zalo, facebook....)		1	
-	Có thực hiện		1	
-	Không thực hiện		0	

Báo cáo kết quả công tác PBGDPL của đơn vị, địa phương; Báo cáo kết quả thực hiện kết luận kiểm tra

c)	Tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành theo Kế hoạch được phê duyệt:		
-	Hoàn thành 100%	3	
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	3	
-	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	2.5	
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	2	
-	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	1.5	
-	Hoàn thành từ 50% đến dưới 60%	1	
-	Hoàn thành dưới 50%	0.5	
-		0	
1.2.2	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đột xuất kế hoạch do Hội đồng phối hợp PBGDPL cấp trên hoặc do cấp ủy, chính quyền địa phương cùng cấp giao	1.5	
-	Hoàn thành 100%	1.5	
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	1.25	
-	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	1	
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	0.75	
-	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	0.5	
-	Hoàn thành từ 50% đến dưới 60%	0.25	
-	Hoàn thành dưới 50%	0	
1.2.3	Mức độ hoàn thành việc tổ chức các Đoàn kiểm tra của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc Hội đồng phối hợp PBGDPL cùng cấp và các thành viên Hội đồng tại các địa phương, cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch.	1.5	
-	Hoàn thành 100%	1.5	
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100%	1.25	
-	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90%	1	
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80%	0.75	
-	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70%	0.5	
-	Hoàn thành từ 50% đến dưới 60%	0.25	
-	Hoàn thành dưới 50%	0	
1.3	Mức độ bảo đảm nguồn nhân lực cho việc tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt	8	
a)	Tỷ lệ % tổng số lượng nhân sự được bố trí trên thực tế để triển khai các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm so với tổng số lượng nhân sự được xác định trong Kế hoạch	4	
			Báo cáo về thực trạng công chức làm công tác PBGDPL, báo cáo viên pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai

-	Đạt 100%		4	các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được xác định trong Kế hoạch PBGDPL năm
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%		3	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%		2	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%		1	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%		0.5	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%		0.25	
-	Đạt dưới 50%		0	
b)	Tỷ lệ % các nhiệm vụ PBGDPL trọng tâm được bố trí đủ số lượng nhân sự theo Kế hoạch được phê duyệt trên tổng số nhiệm vụ trong Kế hoạch được phê duyệt		4	
-	Đạt 100%		4	
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%		3	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%		2	Bảo cáo, thống kê dự toán kinh phí được phê duyệt; thanh quyết toán kinh phí triển khai công tác PBGDPL của cơ quan, đơn vị, địa phương
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%		1	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%		0.5	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%		0.25	
-	Đạt dưới 50%		0	
1.4	Mức độ bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL năm đã được phê duyệt		8	
a)	Tỷ lệ % các hoạt động PBGDPL theo Kế hoạch PBGDPL được bố trí kinh phí riêng trên tổng số hoạt động PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật		3	
-	Đạt 100%		3	
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%		2.5	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%		2	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%		1.5	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%		1	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%		0.5	
-	Đạt dưới 50%		0	
b)	Tỷ lệ % tổng số kinh phí thực tế được bố trí trên tổng số kinh phí được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt với mức chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật		3	
-	Đạt 100%		3	

-	Đạt từ 90% đến dưới 100%	2.5	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%	2	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%	1.5	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5	
-	Đạt dưới 50%	0	
c)	Tỷ lệ % các nhiệm vụ thực tế được bổ trí đầy đủ kinh phí trên tổng số nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch PBGDPL đã được phê duyệt (cần được bổ trí kinh phí)	2	
-	Đạt 100%	2	
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%	1.75	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%	1.5	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%	1.25	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5	
-	Đạt dưới 50%	0	
1.5	Mức độ thực hiện xã hội hóa công tác PBGDPL	3	
a)	Tỷ lệ % kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa trên tổng số kinh phí PBGDPL được xác định trong Kế hoạch.	1.5	- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoặc chính sách khuyến khích hoạt động xã hội hóa công tác PBGDPL được ban hành. - Báo cáo, số liệu thống kê kinh phí thu được từ hoạt động xã hội hóa và kinh phí từ ngân sách nhà nước. - Tổng hợp kinh phí cho công tác PBGDPL được ngân sách nhà nước cấp
-	Huy động được từ 60% trở lên	1.5	
-	Huy động được từ 50% đến dưới 60%	1	
-	Huy động được dưới 50%	0.5	
-	Không huy động được nguồn xã hội hóa	0	
b)	Tỷ lệ % số lượng nhân sự huy động được từ nguồn xã hội hóa (đội ngũ luật sư, luật gia, người dân có kiến thức chuyên môn...) tham gia thực hiện các nhiệm vụ PBGDPL trên tổng số nhân sự triển khai các nhiệm vụ được xác định trong Kế hoạch được phê duyệt.	1.5	
-	Huy động được từ 50% trở lên	1.5	
-	Huy động được từ 30% đến dưới 50%	1	
-	Huy động được dưới 30%	0.5	
-	Không huy động được nguồn xã hội hóa	0	
1.6	Mức độ đáp ứng yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác PBGDPL	5	

1.6.1	Việc xây dựng và vận hành Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL thuộc Cổng/Trang thông tin của đơn vị	1	Địa chỉ Cổng/Trang Thông tin PBGDPL, chuyên mục
a)	Có xây dựng và vận hành	1	Báo cáo về thông tin trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL, chuyên mục căn cứ quy định về nội dung tại Mục III Điều 1 Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng chính phủ
b)	Không xây dựng	0	
1.6.2	Tính đầy đủ của thông tin PBGDPL trên Cổng/Trang Thông tin PBGDPL hoặc các chuyên mục/tiểu mục về PBGDPL	2	
a)	Đăng tải các thông tin pháp luật, PBGDPL	1	Danh mục thông tin và thời điểm đăng tải thông tin
-	Có đăng tải	1	
-	Không đăng tải	0	
b)	Đăng tải thông tin, nội dung phục vụ quản lý nhà nước về PBGDPL	1	
-	Có đăng tải	1	
-	Không đăng tải	0	
1.6.3	Tính cập nhật của các thông tin (tài liệu, tin, bài về PBGDPL) trên cổng/trang của thông tin PBGDPL hoặc chuyên mục/ tiểu mục về PBGDPL hàng tuần	2	
a)	Cập nhật, đăng tải từ 03 thông tin/tuần trở lên	2	
b)	Cập nhật đăng tải từ 1-2 thông tin/tuần	1	
c)	Không cập nhật	0	
1.7	Mức độ hoàn thành trách nhiệm về xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL	3	Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL
a)	Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả về PBGDPL	1	
-	Có ban hành văn bản	1	
-	Không ban hành văn bản	0	Báo cáo, kết luận kiểm tra
b)	Định kỳ hàng năm kiểm tra, đánh giá chất lượng các mô hình, cách làm hiệu quả	2	
-	Có kiểm tra, đánh giá định kỳ	2	
-	Không kiểm tra, đánh giá định kỳ	0	
2	Nhóm tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra của hoạt động PBGDPL của các địa phương	55	

	Đánh giá hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến tuyên truyền Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường</i>); phòng, chống ma túy tại Cơ sở Điều trị nghiện ma túy (<i>Sở Lao động – Thương binh và Xã hội</i>); quy định pháp luật về dân sự, hôn nhân gia đình cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Xuân Thiện (<i>Ủy ban nhân dân huyện Thông Nhất</i>), phòng, chống bạo lực gia đình thông qua câu lạc bộ “phụ nữ với pháp luật” trên địa bàn xã Xuân Tây (<i>Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Mỹ</i>).		
2.1	Mức độ đánh giá của đối tượng thụ hưởng về chất lượng tổ chức các hoạt động PBGDPL cụ thể	25	
2.1.1	Tỷ lệ % số lượng người biết về nội dung, thông tin pháp luật được PBGDPL so với số lượng dự kiến đạt được theo Kế hoạch	10	- Báo cáo tình hình tổ chức hoạt động PBGDPL; khảo sát, điều tra xã hội học và các báo cáo đánh giá có liên quan (nếu có). - Kết quả, mức độ quan tâm, theo dõi từ khán giả, thính giả, người dân đối với nội dung PBGDPL trên chương trình phát thanh, truyền hình, Cổng/Trang Thông tin điện tử, mạng xã hội...
-	Đạt 100%	10	
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%	9	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%	8	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%	7	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%	6	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%	5	
-	Đạt dưới 50%	0	
2.1.2	Đánh giá của đối tượng thụ hưởng các hoạt động PBGDPL cụ thể về các nội dung sau:	15	
a)	Tỷ lệ % đối tượng thụ hưởng hài lòng đối với chất lượng thông tin pháp luật được cung cấp	5	
-	Đạt 100%	5	
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%	4	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%	3	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%	2	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%	1	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5	
-	Đạt dưới 50%	0	
b)	Tỷ lệ % đối tượng thụ hưởng hài lòng đối với chất lượng báo cáo viên	4	
-	Đạt 100%	4	

-	Đạt từ 90% đến dưới 100%	3	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%	2	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%	1	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.75	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5	
-	Đạt dưới 50%	0	
c)	Tỷ lệ % đối tượng thụ hưởng hài lòng đối với thời gian tổ chức	2	
-	Đạt 100%	2	
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%	1.75	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%	1.5	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%	1	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.75	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5	
-	Đạt dưới 50%	0	
d)	Bảo đảm về địa điểm tổ chức	2	
-	Đạt 100%	2	
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%	1.75	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%	1.5	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%	1	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.75	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5	
-	Đạt dưới 50%	0	
đ)	Bảo đảm đầy đủ phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ	2	
-	Đạt 100%	2	
-	Đạt từ 90% đến dưới 100%	1.75	
-	Đạt từ 80% đến dưới 90%	1.5	
-	Đạt từ 70% đến dưới 80%	1	
-	Đạt từ 60% đến dưới 70%	0.75	
-	Đạt từ 50% đến dưới 60%	0.5	
-	Đạt dưới 50%	0	
2.2	Mức độ tác động của các hoạt động PBGDPL cụ thể: Nhằm mục tiêu đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu dự kiến đạt được trong Kế hoạch triển khai nhiệm vụ PBGDPL đã được phê duyệt trên thực tế	30	- Kết quả khảo sát trước và sau hoạt động PBGDPL

a)	Tỷ lệ % số lượng người có sự cải thiện về nhận thức pháp luật giữa thực tế đạt được và dự kiến đạt được theo Kế hoạch	15	- Điều tra xã hội học và các báo cáo về tình hình thi hành pháp luật về lĩnh vực pháp luật PBGDPL có liên quan
-	Đạt từ 95% trở lên	10	
-	Đạt từ 90% đến dưới 95%	9	
-	Đạt từ 85% đến dưới 90%	8	
-	Đạt từ 80% đến dưới 85%	7	
-	Đạt từ 75% đến dưới 80%	6	
-	Đạt từ 70% đến dưới 75%	5	
-	Đạt từ 65% đến dưới 70%	4	
-	Đạt từ 60% đến dưới 65%	3	
-	Đạt từ 55% đến dưới 60%	2	
-	Đạt từ 50% đến dưới 55%	1	
-	Đạt dưới 50%	0	
b)	Tỷ lệ % tình hình vi phạm pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi quản lý giám	15	
-	Đạt từ 95% trở lên	10	
-	Đạt từ 90% đến dưới 95%	9	
-	Đạt từ 85% đến dưới 90%	8	
-	Đạt từ 80% đến dưới 85%	7	
-	Đạt từ 75% đến dưới 80%	6	
-	Đạt từ 70% đến dưới 75%	5	
-	Đạt từ 65% đến dưới 70%	4	
-	Đạt từ 60% đến dưới 65%	3	
-	Đạt từ 55% đến dưới 60%	2	
-	Đạt từ 50% đến dưới 55%	1	
-	Đạt dưới 50%	0	
Tổng cộng		100	